

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 134/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-02-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Châu Thị Lệ

2- Ông Dương Minh Kiên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận G,
Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa:** Bà Trương
Thị Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ
thẩm công khai, vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1280/2024/TLST-HNGĐ, ngày
21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim K - sinh năm: 1981;

Địa chỉ: 102/66 L, phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Trung N- sinh năm: 1979;

Địa chỉ: 102/66 L, phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn

xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2024, bản tự khai, qua các lần làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là Bà Trần Thị Kim K trình bày: bà K với ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận kết hôn số: 086, quyển số: 01/2008, ngày 01 tháng 4 năm 2008. Quá trình chung sống, đôi bên thường xuyên cãi nhau, ông N bỏ bê gia đình không quan tâm đến vợ con, nguyên nhân là do quan niệm sống, cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nhận thấy không thể khắc phục được mâu thuẫn vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên bà K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông N để ổn định cuộc sống.

Trong thời gian chung sống bà K, ông N có hai con chung tên: Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 26/01/2009 và Nguyễn Hoàng S, sinh ngày: 09/11/2011, khi ly hôn bà K xin được quyền nuôi hai con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, về nợ chung: bà K xác định không có.

Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bà K, bà K có mặt tại các phiên tòa.

Đối với Ông Nguyễn Trung N, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho đương sự, triệu tập cho ông N tới Tòa án để ghi bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập ông N tham gia phiên tòa, tại phiên tòa này ông N có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 086, quyển số 01/2008 ngày 01 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban nhân dân phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Bà Trần Thị Kim K và Ông Nguyễn Trung N đã xác định quan hệ hôn nhân giữa bà K, ông N là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

Yêu cầu xin ly hôn của bà K đối với ông N là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu ly hôn của bà K thì Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Bà K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, theo nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không còn tình cảm, có mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay vợ chồng không còn chung sống. Như vậy vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc ông N không tới Tòa án tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa cũng đã thể hiện ông N không mong muốn đoàn tụ với bà K, Hội đồng xét xử thấy rằng nên chấp nhận giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung, căn cứ giấy khai sinh số: 084/2009, quyển số: 03/2008 ngày 20/2/2009 và giấy khai sinh số: 523, quyển số: 03/2011 ngày 24/11/2011 của Ủy ban nhân dân phường H, quận G, thành phố Hồ Chí Minh cấp thể hiện bà K và ông N có hai con chung tên: Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 26/01/2009 và

Nguyễn Hoàng S, sinh ngày: 09/11/2011, khi ly hôn bà K xin được quyền nuôi hai con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng, đồng thời xét nguyện vọng của hai con.

Do đó, Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu của bà K là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.3] Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét những vấn đề này.

Từ những nhận định như trên Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết cho bà K được ly hôn với ông N, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà K được ly hôn với ông N, quan hệ hôn nhân chấm dứt ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Có hai con chung tên: Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 26/01/2009 và Nguyễn Hoàng S, sinh ngày: 09/11/2011, khi ly hôn bà K xin được quyền nuôi hai con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[2.4] bà K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm

2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Trần Thị Kim K được ly hôn với Ông Nguyễn Trung N.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 086, quyển số: 01/2008, ngày 01 tháng 04 năm 2008 do Ủy ban nhân dân phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Bà Trần Thị Kim K và Ông Nguyễn Trung N chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có hai con chung tên: Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 26/01/2009 và Nguyễn Hoàng S, sinh ngày: 09/11/2011, bà K trực tiếp nuôi hai con, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của ông N do bà K không yêu cầu.

Ông N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn đồng) bà K phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số: 0014725 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Bà K đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ T
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN T

Lê Thành Phong